



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **BQL CÁC KHU DI TÍCH LỊCH SỬ CÁCH MẠNG MIỀN NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	11.283	413	64	0	0	11.219	10.806	413	
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11.283	413	64	0	0	11.219	10.806	413	
I. Chi các sự nghiệp	11.283	413	64	0	0	11.219	10.806	413	
1. Chi sự nghiệp kinh tế	164	0	0	0	0	164	164	0	
a. Chi sự nghiệp lâm nghiệp	164	0	0	0	0	164	164	0	
+ Kinh phí không tự chủ	164		0			164	164	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.2
2. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	11.119	413	64	0	0	11.055	10.642	413	
- Số biên chế được giao	23								
- Tổng số chi	11.119	413	64	0	0	11.055	10.642	413	
+ Kinh phí tự chủ	3.242	413	64			3.178	2.765	413	
+ Kinh phí không tự chủ	7.877	0	0	0	0	7.877	7.877	0	
. Hợp đồng lao động đặc thù	2.298					2.298	2.298	0	
. Nhiệm vụ được giao	5.579		0			5.579	5.579	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.2
B. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)	0	0	0	0	0	0	0	0	

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).

Phụ lục IV.2



**KINH PHÍ THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO BQL CÁC KHU DI TÍCH LỊCH SỬ CÁCH MẠNG MIỀN NAM
- DỰ TOÁN CHI CÁC SỰ NGHIỆP NĂM 2024 (NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP - Nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024	Trong đó		DT NSNN giao năm 2024	Ghi chú
			Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL		
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	TỔNG CỘNG	5.743	0	0	5.743	
I	Sự nghiệp kinh tế (SN Lâm nghiệp)	164	0	0	164	
1	Kinh phí phòng chống cháy rừng	164		0	164	
II	Sự nghiệp Văn hóa thông tin	5.579	0	0	5.579	
1	KP hoạt động tổ chức Đảng	38		0	38	
2	Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền xăng	970		0	970	
3	Chi phí phát rong, nạo vét giao thông hào; chống mối mọt hiện vật và các nhà di tích; chăm sóc vệ sinh nhà bia Ban kinh tài; thuê cưa cây ngã, chết khô, rong nhánh cây; sửa chữa nhỏ các thiết bị, dụng cụ chuyên môn.	296		0	296	
4	Chi phí chăm sóc hoa kiểng, cây xanh ở Tua Hai và các di tích khác	2.300		0	2.300	
5	kinh phí mua sắm, sửa chữa	0		0	0	
6	Kinh phí tôn tạo sửa chữa các công trình Văn hóa, di tích lịch sử và các nhiệm vụ Văn hóa.	0		0	0	
7	chi nghiệp vụ chuyên môn: đồng phục; in ấn photo; chi sưu tầm hiện vật....	0		0	0	
8	Chi lợp lá trung quân; Sửa chữa, thay tấm bạt pano	550		0	550	
9	kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững của Ban quản lý các khu Di tích lịch sử cách mạng miền Nam, giai đoạn đến năm 2030	360		0	360	
10	Kinh phí trang bị xe ô tô	1.065		0	1.065	



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **BQL VƯỜN QUỐC GIA LÒ GÒ XA MẮT**

(Bản hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	27.166	817	125	0	0	27.041	26.224	817	
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	27.166	817	125	0	0	27.041	26.224	817	
I. Chi các sự nghiệp	26.466	817	125	0	0	26.341	25.524	817	
1. Chi sự nghiệp kinh tế									
a. Chi sự nghiệp lâm nghiệp									
- Số biên chế được giao	48								
- Tổng số chi	26.466	817	125	0	0	26.341	25.524	817	
+ Kinh phí tự chủ	7.048	817	125			6.923	6.106	817	
+ Kinh phí không tự chủ	19.418	0	0	0	0	19.418	19.418	0	
. Hợp đồng lao động bảo vệ rừng (48 người)	4.413					4.413	4.413	0	
. Nhiệm vụ được giao	15.005		0			15.005	15.005	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.2
2. Chi sự nghiệp môi trường	700	0	0	0	0	700	700	0	
+ Kinh phí không tự chủ	700					700	700	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.2
B. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)	0	0	0	0	0	0	0	0	

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).



Phụ lục IV.2

KINH PHÍ THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO BQL VƯỜN QUỐC GIA LÒ GÒ XA MÁT
- DỰ TOÁN CHI CÁC SỰ NGHIỆP NĂM 2024 (NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP - Nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024	Trong đó		DT NSNN giao năm 2024	Ghi chú
			Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL		
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	TỔNG CỘNG	15.705	0	0	15.705	
I	Sự nghiệp kinh tế (SN Lâm nghiệp)	15.005	0	0	15.005	
1	KP hoạt động tổ chức Đảng	52		0	52	
2	Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền xăng	2.496		0	2.496	
3	Chi phí công tác chăm sóc bồn hoa khu hành chính; công tác dọn cỏ, đốt rác, xịt thuốc, phân bón cây cảnh; sửa chữa nhỏ các thiết bị, dụng cụ chuyên môn;	250		0	250	
4	Chi hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ (4G, tuyên truyền PCCC)	129		0	129	
5	Đồng phục bảo vệ rừng chuyên trách (48 BVR + 12 PQLBVR)	274		0	274	
6	Bảo vệ rừng (25 người: KP khoán 100.000 đ/ha)	3.000		0	3.000	
7	Dự án bảo vệ và phát triển rừng (bảo vệ rừng trồng; phòng chống cháy rừng trồng; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu khoán bảo vệ, KNTS); Chi các hoạt động phòng chống cháy rừng mùa khô	5.804		0	5.804	
8	Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và Dự án Đầu tư phát triển vùng đệm Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát giai đoạn 2023-2030	3.000		0	3.000	
II	Sự nghiệp môi trường	700	0	0	700	
1	Các hoạt động bảo vệ môi trường được cơ quan chuyên môn phê duyệt	700		0	700	

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	4.636	0	79	0	0	4.557	4.557	0	
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.476	0	79	0	0	4.397	4.397	0	
I. Chi quản lý hành chính	2.686	0	79	0	0	2.607	2.607	0	
- Số biên chế được giao									
- Tổng số chi	2.686	0	79	0	0	2.607	2.607	0	
+ Kinh phí không tự chủ giao khoán chi hoạt động	2.309		45			2.264	2.264	0	
+ Kinh phí không tự chủ (nhiệm vụ đặc thù)	377		34			343	343	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.1
II. Chi các sự nghiệp	1.790	0	0	0	0	1.790	1.790	0	
1. Chi sự nghiệp kinh tế	270	0	0	0	0	270	270	0	
a. Chi sự nghiệp kinh tế khác	270	0	0	0	0	270	270	0	
+ Kinh phí không tự chủ	270					270	270	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.2
2. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.520	0	0	0	0	1.520	1.520	0	
a. Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	1.520	0	0	0	0	1.520	1.520	0	
+ Kinh phí không tự chủ	1.520					1.520	1.520	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.2

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
B. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)	160		0	0	0	160	160	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.3
I. CTMTQG Xây dựng nông thôn mới	160	0	0	0	0	160	160	0	
1. Chi quản lý hành chính	160	0	0	0	0	160	160	0	
<i>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.</i>	160	0	0	0	0	160	160	0	
Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.	10					10	10	0	
Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới”.	150					150	150	0	

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).



Phụ lục IV.1

**KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO
CHO LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	TỔNG CỘNG	377	340	34	343	
1	KP hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng	37		0	37	
2	KP Bản tin kinh tế tập thể	285	285	29	256	
3	Hội nghị tổng kết kinh tế tập thể	55	55	5	50	

Phụ lục IV.2

KINH PHÍ THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ TỈNH
- DỰ TOÁN CHI CÁC SỰ NGHIỆP NĂM 2024 (NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP - Nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024	Trong đó		DT NSNN giao năm 2024	Ghi chú
			Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL		
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>1.790</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>1.790</u>	
I	Sự nghiệp kinh tế (SN Kinh tế khác)	270	0	0	270	
	Hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường	270		0	270	
II	Sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề (SN Đào tạo)	1.520	0	0	1.520	
4	Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, Hợp tác xã năm 2024	1.520		0,0	1.520	

Phụ lục IV.3

CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP DỰ TOÁN NĂM 2024
GIAO CHO LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ TỈNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Mã CTM T, DA	Tổng cộng	Chi QLHC	SN Kinh tế	SN Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	SN Văn hóa, thông tin	Ghi chú
A	B	C	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG		160	160	0	0	0	
I	NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI ỨNG		0	0	0	0	0	
II	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG		160	160	0	0	0	
	CTMTQG Xây dựng nông thôn mới	00490	160	160	0	0	0	
	<i>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.</i>	00502	160	160	0	0	0	
1	Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.		10	10	0	0		
2	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới”.		150	150	0	0		



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
B. TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	6.590	547	258			6.332	5.785	547	
B.1. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.466	547	258			6.208	5.661	547	
<u>I. Chi quản lý hành chính</u>	<u>6.266</u>	<u>547</u>	<u>258</u>			<u>6.008</u>	<u>5.461</u>	<u>547</u>	
- Số biên chế được giao	19								
- Tổng số chi	6.266	547	258			6.008	5.461	547	
+ Kinh phí tự chủ	4.237	547	66			4.171	3.624	547	
+ Kinh phí không tự chủ	2.029		192			1.837	1.837	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.1
<u>II. Chi các sự nghiệp</u>	<u>200</u>					<u>200</u>	<u>200</u>		
<u>I. Sự nghiệp Môi trường</u>	<u>200</u>					<u>200</u>	<u>200</u>		
+ Kinh phí không giao quyền tự chủ	200					200	200		
. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ môi trường	200					200	200		Chi tiết tại Phụ lục IV.2
B.2. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)	124					124	124		
<u>I. Chi chương trình mục tiêu quốc gia</u>	<u>77</u>					<u>77</u>	<u>77</u>		
<u>CTMTQG Xây dựng nông thôn mới</u>	<u>77</u>					<u>77</u>	<u>77</u>		

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
- Tổ chức triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng NTM; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM.	77					77	77		Chi tiết tại Phụ lục IV.3
II. Chi thực hiện một số nhiệm vụ	47					47	47		
Sự nghiệp kinh tế	47					47	47		
Sự nghiệp giao thông	47					47	47		
. Tuyên truyền ATGT	47					47	47		

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).



Phụ lục IV.1

**KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO
ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>2.041</u>	<u>1.915</u>	<u>192</u>	<u>1.849</u>	
I	Kinh phí mua sắm, sửa chữa	66			66	
II	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	1.975	1.915	192	1.783	
1	KP Ban Thanh tra nhân dân	20		0	20	
2	KP hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng và Đại hội Đảng	40		0	40	
3	Chi bồi dưỡng tiếp công dân theo Nghị quyết 14/2018/NQ-HĐND	25	25	3	22	
4	KP Ủy ban Đoàn kết Công giáo tỉnh (thực hiện theo Công văn số 286/BTC-HCSN ngày 13/6/2012)	135	135	13	122	
5	KP vì sự nghiệp Đại Đoàn kết	250	250	25	225	
6	KP triển khai đề án khu dân cư (Tuyên truyền pháp luật)	90	90	9	81	
7	KP thực hiện Cuộc vận động "Toàn Dân Đoàn Kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" theo Thông tư số 121/2017/TT-BTC.	200	200	20	180	
8	KP Ban giám sát cộng đồng	30	30	3	27	
9	KP Ban chỉ đạo người VN dùng hàng VN	60	60	6	54	

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
10	KP Hội đồng tư vấn (theo Thông tư 35/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018)	80	80	8	72	
11	KP đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng theo QĐ 76/TTg và QĐ 24/2015/QĐ-UBND	70	70	7	63	
12	KP đối ngoại nhân dân	60	60	6	54	
13	KP Giám sát, phản biện XH và xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền (theo Quyết định số 217, 218/TW, ngày 12/12/2013)	70	70	7	63	
14	Hỗ trợ sinh hoạt phí cho UV UBMTTQ tỉnh Quyết định số 104/2015/TT-BTC, ngày 03/7/2015 : (năm 2019: 48UV, T7/2019 đại hội còn lại: 44 UV x 230.000 đ/tháng x 12T)	120	120	12	108	
15	KP thực hiện tuyên truyền xây dựng quyền thông tin công tác Mặt trận, trang web (theo Đề án 01/ĐA-MTTW-BTT ngày 05/5/2015)	250	250	25	225	
16	Kinh phí hoạt động quản lý Quỹ Vì người nghèo tỉnh theo Quyết định 1198/MTTW ngày 29/12/2016.	90	90	9	81	
17	KP Đại hội đại biểu MTTQ VN tỉnh NK 2024-2029	385	385	39	346	



Phụ lục IV.2

**KINH PHÍ THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH
- DỰ TOÁN CHI CÁC SỰ NGHIỆP NĂM 2024 (NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP - Nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024	Trong đó		DT NSNN giao năm 2024	Ghi chú
			Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL		
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>200</u>			<u>200</u>	
	ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH	200			200	
1	Sự nghiệp môi trường	200			200	
	Hoạt động tuyên truyền, giáo dục, tập huấn để nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường	200			200	

Phụ lục IV.3

CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP DỰ TOÁN NĂM 2024 GIAO CHO ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Mã CTMT, DA	Tổng cộng	Chi QLNN	Gồm	Ghi chú
					MT TQ và đoàn thể	
A	B	C	1	2	2c	4
	<u>TỔNG CỘNG</u>		77	77	77	
	<u>NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</u>					
	<u>CTMTQG Xây dựng nông thôn mới</u>	00490	77	77	77	
	<i>Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM.</i>	00499	77	77	77	
	- Tổ chức triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng NTM; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM.		77	77	77	



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **BAN QUẢN LÝ KHU DU LỊCH QUỐC GIA NÚI BÀ ĐEN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
A. THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ, LỆ PHÍ									
I. Tổng số thu phí, lệ phí phát sinh	37.500	-	-	-	-	37.500			
<i>* Tổng số thu phí phát sinh</i>	<i>37.500</i>	-	-	-	-	<i>37.500</i>	-	-	
- Phí tham quan KDL Núi Bà Đen	37.500					37.500			
II. Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại (20%)	7.500					7.500			
III. Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước (80%)	30.000	-	-	-	-	30.000	-	-	
B. TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	14.241	-	-	-	-	14.241	14.241	-	
B.1. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	14.241	-	-	-	-	14.241	14.241	-	
I. Chi các sự nghiệp	14.241	-	-	-	-	14.241	14.241	-	
1. Sự nghiệp môi trường	4.250	-	-	-	-	4.250	4.250	-	
- Kinh phí không tự chủ (Các nhiệm vụ môi trường)	4.250					4.250	4.250	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.2
2. Chi Sự nghiệp văn hóa - thông tin	9.991	-	-	-	-	9.991	9.991	-	

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
- Kinh phí không tự chủ	9.991	-	-	-	-	9.991	9.991	-	
+ Chi bộ máy sự nghiệp (27 HDLĐ)	1.716					1.716	1.716	0	
+ Kinh phí nhiệm vụ được giao	8.275					8.275	8.275	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.2

* **Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).

Phụ lục IV.2

**KINH PHÍ THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO BAN QUẢN LÝ KHU DU LỊCH QUỐC GIA NÚI BÀ ĐEN
- DỰ TOÁN CHI CÁC SỰ NGHIỆP NĂM 2024 (NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP - Nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024	Trong đó		Dự toán NSNN giao năm 2024	Ghi chú
			Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL		
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>12.525</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>12.525</u>	
I	Sự nghiệp môi trường	4.250	0	0	4.250	
1	Kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt khu vực mặt bằng chùa Bà mở rộng	3.650		0	3.650	
2	Nhiệm vụ Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	600		0	600	
II	Sự nghiệp Văn hóa thông tin	8.275	0	0	8.275	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	275	0	0	275	
	+ <i>Sưu tầm hiện vật truyền thống, trưng bày, bổ sung</i>	20		0	20	
	+ <i>Trưng bày chuyên đề</i>	40		0	40	
	+ <i>Chi phí phục vụ Rằm tháng 8</i>	147		0	147	
	+ <i>Chi phí khảo sát, sưu tầm hiện vật 5 điểm di tích thuộc khu vực bảo vệ 1</i>	20		0	20	
	+ <i>Chi phí PCCC và CNCH</i>	48		0	48	
2	Kinh phí tôn tạo sửa chữa các công trình văn hoá, di tích lịch sử	300		0	300	
3	Kinh phí Hội Xuân	7.700		0	7.700	

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **TỈNH ĐOÀN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
A. THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ, LỆ PHÍ									
B. TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	10.736	789	287	170	-	10.279	9.660	619	
B.1. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.626	789	287	170	-	10.169	9.550	619	
I. Chi quản lý hành chính (Văn phòng Tỉnh đoàn)	6.686	583	281	-	-	6.405	5.822	583	
- Số biên chế được giao	29								
- Tổng số chi	6.686	583	281	-	-	6.405	5.822	583	
+ Kinh phí giao quyền tự chủ	4.710	583	93		-	4.617	4.034	583	
+ Kinh phí không giao quyền tự chủ	1.976		188			1.788	1.788	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.1
II. Chi các sự nghiệp	3.940	206	6	170	-	3.764	3.728	36	
1. Sự nghiệp Môi trường	250	-	-	-	-	250	250	-	
. Kinh phí chi theo nhiệm vụ (kinh phí không giao quyền tự chủ)	250					250	250	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.2
2. Sự nghiệp Giáo dục, Đào tạo và Dạy nghề (Sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề)	1.809	36	6	-	-	1.803	1.767	36	
*Số người làm việc trong đơn vị SN công lập	2								

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
Trường đoàn	1.809	36	6	-	-	1.803	1.767	36	
+ Kinh phí giao quyền tự chủ	268	36	6			262	226	36	
+ Kinh phí không giao quyền tự chủ	1.541					1.541	1.541	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.2
3. Sự nghiệp Văn hoá - Thông tin	1.881	170	-	170	-	1.711	1.711	-	
*Số người làm việc trong đơn vị SN công lập	13								
Trung tâm học tập sinh hoạt thanh thiếu nhi	1.881	170	-	170	-	1.711	1.711	-	
+ Kinh phí giao quyền tự chủ	1.381	170	-	170		1.211	1.211	0	
+ Kinh phí không giao quyền tự chủ	500					500	500	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.2
B.2. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)	110	-	-	-	-	110	110	-	
I. Chi các CTMTQG - CTMTQG Xây dựng nông thôn mới	42	-	-	-	-	42	42	-	
1. Quản lý hành chính	42	-	-	-	-	42	42	-	
<i>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.</i>	42	-	-	-	-	42	42	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.3

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới”.	42					42	42	0	
II. Chi thực hiện một số nhiệm vụ	68	-	-	-	-	68	68	-	
1. Chi Sự nghiệp giao thông	68	-	-	-	-	68	68	-	
Tuyên truyền ATGT	68					68	68	0	

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ



Phụ lục IV.1

**KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO
CHO TỈNH ĐOÀN DỰ TOÁN NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>1.976</u>	<u>1.848</u>	<u>188</u>	<u>1.788</u>	
I	Kinh phí mua sắm, sửa chữa	78		0	78	
II	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	1.898	1.848	188	1.710	
1	KP hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng	50		0	50	
2	KP hoạt động của Đoàn khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh	210	210	21	189	
	Hỗ trợ Đoàn khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh	210	210	21	189	
3	Các hoạt động trong tỉnh	1.111	1.111	114	997	
3.1	Chiến dịch tình nguyện "Xuân tình nguyện"	15	15	2	13	
3.2	Hoạt động "Tháng ba biên giới"	10	10	1	9	
3.3	Chương trình "Thắp sáng ước mơ thanh niên hoàn lương"	15	15	2	13	
3.4	Ngày hội "Thầy thuốc trẻ làm theo lời Bác, tình nguyện vì sức khỏe cộng đồng"	5	5	1	4	
3.5	Nước uống thiếu nhi sinh hoạt hè	152	152	15	137	
3.6	Chiến dịch thanh niên tình nguyện hè	100	100	10	90	
3.7	Hội thi Tài năng tiếng Anh	28	28	3	25	
3.8	Tuyên dương danh hiệu Nhà giáo tiêu biểu; học sinh 3 tốt, Học sinh 3 rèn luyện, Sinh viên 5 tốt	35	35	4	31	

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
3.9	Hội thi nghi thức đội, Chỉ huy Đội giỏi và phụ trách sao giỏi	30	30	3	27	
3.10	Hội nghị Báo cáo viên và Giao ban các Câu lạc bộ Lý luận trẻ định kỳ hằng quý	12	12	1	11	
3.11	Hoạt động tháng thanh niên	30	30	3	27	
3.12	Liên hoan Bước nhảy tuổi trẻ	26	26	3	23	
3.13	Tổ chức Ngày hội tuổi trẻ với Bác Hồ với chủ đề: “Tuổi trẻ với các tác phẩm của chủ tịch Hồ Chí Minh”	45	45	5	40	
3.14	Kinh phí tổ chức các Hội thi tin học năm 2024	100	100	10	90	
3.15	Cuộc thi Olympic các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mang tên Ánh sáng soi đường	8	8	1	7	
3.16	Kinh phí tổ chức các Hội thi, hội nghị theo kế hoạch được duyệt năm 2024	500	500	50	450	
4	Các hoạt động cụm Miền Đông Nam Bộ	50	50	5	45	
	Liên hoan Tổng phụ trách Đội giỏi cụm Đông Nam bộ	50	50	5	45	
5	Các hoạt động tham gia do Trung ương tổ chức:	77	77	8	69	
5.1	Tham gia trại Kim Đồng toàn quốc	30	30	3	27	
5.2	Tham gia Liên hoan Festival Phụ trách thiếu nhi toàn quốc và trao giải thưởng "Cánh én hồng" cho giáo viên làm tổng phụ trách Đội năm học 2023-2024 (Thái Nguyên)	7	7	1	6	
5.3	Tham gia Liên hoan Chiến sĩ nhỏ Điện Biên	20	20	2	18	
5.4	Tham gia Chương trình Toả sáng nghị lực Việt 2024	10	10	1	9	
5.5	Tham gia vòng Chung kết cuộc thi Dự án khởi nghiệp thanh niên nông thôn năm 2024	10	10	1	9	
6	Đại hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam cấp tỉnh và tham gia Đại hội Toàn quốc	400	400	40	360	
6.1	Đại hội cấp tỉnh	350	350	35	315	
6.2	Tham dự Đại hội toàn quốc	50	50	5	45	



Phụ lục IV.2

KINH PHÍ THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO TỈNH ĐOÀN
- DỰ TOÁN CHI CÁC SỰ NGHIỆP NĂM 2024 (NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP - Nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024	Trong đó		Dự toán NSNN giao năm 2024	Ghi chú
			Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL		
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>2.291</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>2.291</u>	
I	Sự nghiệp môi trường	250	0	0	250	
1	Hoạt động tuyên truyền, giáo dục, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường	250		0	250	
II	Sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề (SN Đào tạo)	1.541	0	0	1.541	
1	Kinh phí mua sắm, sửa chữa	12		0	12	
2	Lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính (khóa IX- Tỉnh đoàn)	939		0	939	
3	Các lớp bồi dưỡng theo Kế hoạch được duyệt	590		0	590	
III	Sự nghiệp Văn hóa thông tin	500	0	0	500	
1	Hoạt động chuyên môn nghiệp vụ cấp Tỉnh	400		0	400	
2	Hoạt động chuyên môn nghiệp vụ cấp khu vực phía Nam	100		0	100	



Phụ lục IV.3

CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP DỰ TOÁN NĂM 2024
GIAO CHO TỈNH ĐOÀN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Mã CTMT, DA	Tổng cộng	Chi QLHC	Gồm	SN Kinh tế	Gồm	SN Y tế	Ghi chú
					MT TQ và đoàn thể		SN Kinh tế khác		
A	B	C	1	2	2c	3=3a+3b+3c	3c	4	5
	TỔNG CỘNG		42	42	42	0	0	0	
1	CTMTQG Giảm nghèo bền vững	00470							
2	CTMTQG Xây dựng nông thôn mới	00490	42	42	42	0	0	0	
	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.	00502	42	42	42				
	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới”.		42	42	42				
3	CTMTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS	00510							



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **HỘI NGƯỜI TÙ KHÁNG CHIẾN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	398	33	8	0	0	390	357	33	
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	398	33	8	0	0	390	357	33	
I. Chi quản lý hành chính	398	33	8	0	0	390	357	33	
- Tổng số chi	398	33	8	0	0	390	357	33	
+ Kinh phí không tự chủ giao khoán chi hoạt động	398	33	8			390	357	33	
B. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)									

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **CÂU LẠC BỘ HỮU TRÍ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	398	33	8	0	0	390	357	33	
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	398	33	8	0	0	390	357	33	
I. Chi quản lý hành chính	398	33	8	0	0	390	357	33	
- Tổng số chi	398	33	8	0	0	390	357	33	
+ Kinh phí không tự chủ giao khoán chi hoạt động	398	33	8			390	357	33	
B. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)									

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **HỘI BẢO TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT VÀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	398	33	8	0	0	390	357	33	
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	398	33	8	0	0	390	357	33	
I. Chi quản lý hành chính	398	33	8	0	0	390	357	33	
- Tổng số chi	398	33	8	0	0	390	357	33	
+ Kinh phí không tự chủ giao khoán chi hoạt động	398	33	8			390	357	33	
B. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)									

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **HỘI NGƯỜI MÙ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	489	46	10	0	0	479	433	46	
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	489	46	10	0	0	479	433	46	
I. Chi quản lý hành chính	489	46	10	0	0	479	433	46	
- Tổng số chi	489	46	10	0	0	479	433	46	
+ Kinh phí không tự chủ giao khoán chi hoạt động	489	46	10			479	433	46	
B. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)									

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	5.344	448	116	0	0	5.228	4.780	448	0
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.221	448	116	0	0	5.105	4.657	448	
I. Chi quản lý hành chính	5.221	448	116	0	0	5.105	4.657	448	
- Số biên chế được giao	17								
- Tổng số chi	5.221	448	116	0	0	5.105	4.657	448	
+ Kinh phí tự chủ	3.510	448	59			3.451	3.003	448	
+ Kinh phí không tự chủ	1.711		57			1.654	1.654	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.1
II. Chi các sự nghiệp	142	0	0	0	0	142	142	0	
1. Chi sự nghiệp môi trường	142	0	0	0	0	142	142	0	
Kinh phí chi theo nhiệm vụ (kinh phí không giao quyền tự chủ)	142					142	142	0	
B. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)	123	0	0	0	0	123	123	0	
I. Chi chương trình mục tiêu quốc gia	67	0	0	0	0	67	67	0	

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
* CTMTQG Xây dựng nông thôn mới (Kinh phí không giao quyền tự chủ)	67	-	-	-	-	67	67	-	-
Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM.	57					57	57	-	
Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.	10					10	10	-	
II. Chi thực hiện một số nhiệm vụ	56	-	-	-	-	56	56	-	
Sự nghiệp kinh tế	56	-	-	-	-	56	56	-	
Tuyên truyền ATGT	56					56	56	-	

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).



Phụ lục IV.1

KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	TỔNG CỘNG	1.711	567	57	1.654	
I	Kinh phí mua sắm, sửa chữa	54	0	0	54	
II	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	1.657	567	57	1.600	
1	Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp" (Đề án 939)	31	31	3	27	
2	Đề án "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ" (Đề án 938)	60	60	6	54	
3	Kinh phí ứng dụng công nghệ 4.0 trong thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, khâu đột phá của Trung ương Hội, tuyên truyền qua mạng trên website Hội LHPN tỉnh	25	25	3	23	
4	Kinh phí giám sát theo Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị	8	8	1	7	
5	Kinh phí hoạt động của tổ chức cơ sở đảng/Kinh phí hoạt động chi bộ	25	0	0	25	
6	Họp mặt 8/3, 20/10	66	66	7	59	
7	Họp mặt cơ quan Hội Phụ nữ giải phóng khu Đông Nam bộ	11	11	1	10	

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
8	Tổ chức họp giao ban với Phụ nữ Campuchia	50	50	5	45	
9	Đề án "Thành lập Câu Lạc bộ/Tổ/Nhóm phụ nữ công nhân trong khu nhà trọ" (Đề án 08)	11	11	1	10	
10	Đề án "Bồi dưỡng cán bộ Hội LHPN các cấp, chi hội trưởng phụ nữ" (Đề án 1893)	272	272	27	245	
11	Kinh phí tham dự 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ	33	33	3	30	
12	KP trang bị xe ô tô	1.065	0	0	1.065	



Phụ lục IV.2

KINH PHÍ THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH
- DỰ TOÁN CHI CÁC SỰ NGHIỆP NĂM 2024 (NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP - Nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024	Trong đó		Dự toán NSNN giao năm 2024	Ghi chú
			Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL		
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	TỔNG CỘNG	142	0	0	142	0
1	Sự nghiệp môi trường	142	0	0	142	0
1	Thực hiện công trình cây xanh Hội LHPN tỉnh	18	0	0	18	
2	Tập huấn mô hình Tổ Phụ nữ sống xanh	18			18	
3	Tổ chức Hội thi sáng tác sản phẩm truyền thông về bảo vệ môi trường	15			15	
4	Tổ chức Chuỗi hoạt động nhân Ngày Môi trường thế giới 5/6/2023	91			91	
a	Chạy việt dã hưởng ứng	52			52	
b	Gian hàng "Đổi rác thải nhựa nhận cây xanh, quà"	31			31	
c	Hội thi sáng tạo các sản phẩm tái chế từ rác thải với chủ đề "Phụ nữ Tây Ninh: tự tin sáng tạo - giảm ngay rác thải"	8			8	



Phụ lục IV.3

**CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP DỰ TOÁN NĂM 2024 CHO HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Mã CTMT, ĐA	Tổng cộng	Chi QLHC	Gồm	Ghi chú
					QLNN	
A	B	C	1	2	3	4
	<u>TỔNG CỘNG</u>					
	CTMTQG Xây dựng nông thôn mới	00490	67	67	67	
			67	67	67	
1	<i>Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM.</i>	00499	57	57	57	
	Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.		57	57	57	
2	<i>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.</i>	00502	10	10	10	
	Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng.		10	10	10	



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **HỘI NÔNG DÂN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
B. TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	4.957	457	157	0	0	4.800	4.343	457	
B.1. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.829	457	157	0	0	4.672	4.215	457	
<u>I. Chi quản lý hành chính</u>	<u>4.489</u>	<u>457</u>	<u>157</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>4.332</u>	<u>3.875</u>	<u>457</u>	
- Số biên chế được giao	15								
- Tổng số chi	4.489	457	157	0	0	4.332	3.875	457	
+ Kinh phí tự chủ	3.350	457	53			3.297	2.840	457	
+ Kinh phí không tự chủ	1.139		104			1.035	1.035	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.1
<u>II. Chi các sự nghiệp</u>	<u>340</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>340</u>	<u>340</u>		
1. Sự nghiệp Kinh tế (SN kinh tế khác)	190					190	190		
+ Kinh phí không giao quyền tự chủ	190					190	190		
. Kinh phí xúc tiến thương mại	190					190	190		Chi tiết tại Phụ lục IV.2
2. Sự nghiệp Môi trường	150					150	150		
+ Kinh phí không giao quyền tự chủ	150					150	150		
. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ môi trường	150					150	150		Chi tiết tại Phụ lục IV.2
B.2. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)	128					128	128		
I. Chi chương trình mục tiêu quốc gia	74					74	74		

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
CTMTQG Xây dựng nông thôn mới	74					74	74		
Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”.	74					74	74		Chi tiết tại Phụ lục IV.3
II. Chi thực hiện một số nhiệm vụ	54					54	54		
Sự nghiệp kinh tế	54					54	54		
Sự nghiệp giao thông	54					54	54		
. Tuyên truyền ATGT	54					54	54		

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).

Phụ lục IV.1

**KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO
HỘI NÔNG DÂN TỈNH NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	TỔNG CỘNG	1.139	1.031	104	1.035	
I	Kinh phí mua sắm, sửa chữa	54			54	
II	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	1.085	1.031	104	981	
1	Kinh phí hoạt động chi bộ	54		0	54	
2	Kinh phí tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo Quyết định 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ	50	50	5	45	
3	Tổ chức ngày Hội Nông dân khởi nghiệp cấp tỉnh.	30	30	3	27	
4	Phát động ngày tết trồng cây "Đời đời nhớ ơn Bác"	40	40	4	36	
5	Tổ chức họp mặt 93 năm ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam (14/10/1930-14/10/2022)	30	30	3	27	
6	Triển khai hoạt động giám sát và phản biện xã hội	20	20	2	18	
7	Dự hội nghị hội nghị giao ban công tác Hội và phong trào nông dân tại cụm	12	12	1	11	



STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
8	Dự hội nghị "Thủ tướng đối thoại trực tiếp với nông dân năm 2023"	12	12	1	11	
9	Dự lễ trao danh hiệu "Nông dân Việt Nam xuất sắc"	21	21	3	18	
10	Dự hội nghị BCH 6 tháng, năm và đột xuất tại TW	27	27	3	24	
11	Tập huấn truyền thông về công tác an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất nông nghiệp theo chương trình phối hợp số 01/CTPH-CPHNDVN-HLHPNVN ngày 13/10/2021	40	40	4	36	
12	Chương trình "Nông dân, nông thôn"	354	354	35	319	
13	Tuyên truyền phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn	70	70	7	63	
14	Tổ chức hội thi tuyên truyền viên giỏi cấp tỉnh	50	50	5	45	
15	Tổ chức hội nghị triển khai Nghị quyết Đại hội cấp tỉnh:	8	8	1	7	
16	Tổ chức hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 04,05,06	20	20	2	18	
17	Tổ chức hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/HNDTW về tăng cường đổi mới công tác tuyên truyền, vận động nông dân trong tình hình mới	8	8	1	7	
18	Tổ chức hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 81-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về phối hợp tiếp và giải quyết khiếu nại tố cáo của nông dân	10	10	1	9	

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
19	Dự tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/HNDTW, ngày 20/7/2014 về tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, vận động nông dân trong tình hình mới. 3 người x 3 ngày	20	20	2	18	
20	Dự lễ trao giải cuộc thi "sáng tạo kỹ thuật nhà nông" toàn quốc lần thứ X: dự kiến 1 lãnh đạo HND tỉnh và 3 nông dân, dự kiến 3 ngày, tại Hà Nội)	30	30	3	27	
21	Dự Hội thi Tuyên truyền viên giỏi toàn quốc	40	40	4	36	
22	Tập huấn cán bộ làm công tác tuyên giáo tại Hà Nội	14	14	1	13	
23	Tham dự tập huấn, bồi dưỡng cán bộ Hội	25	25	3	22	
24	Tham dự Hội nghị tổng kết 5 năm Nghị quyết 04,05,06 tại Hà Nội	20	20	2	18	
25	Dự tổng kết thực hiện Chương trình phối hợp số 48/2017/CTPH-HND-BTNMT ngày 22/12/2017 giữa Hội Nông dân Việt Nam và Bộ Tài nguyên Môi trường	20	20	2	18	
26	Dự Triển khai Nghị quyết Đại hội	30	30	3	27	
27	Tổ chức họp mặt 63 năm ngày thành lập Hội Nông dân Giải phóng Miền Nam (21/4/1961-21/4/2023) dự kiến tổ chức tại nhà Bia Trung ương Cục.	30	30	3	27	



Phụ lục IV.2

KINH PHÍ THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO HỘI NÔNG DÂN TỈNH
- DỰ TOÁN CHI CÁC SỰ NGHIỆP NĂM 2024 (NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP - Nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024	Trong đó		DT NSNN giao năm 2024	Ghi chú
			Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL		
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>340</u>			<u>340</u>	
	HỘI NÔNG DÂN TỈNH	340			340	
1	Sự nghiệp kinh tế	190			190	
	<i>SN kinh tế khác</i>	<i>190</i>			<i>190</i>	
	Kinh phí xúc tiến thương mại	190			190	
2	Sự nghiệp môi trường	150			150	
	Hoạt động tuyên truyền, giáo dục, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường	150			150	

Phụ lục IV.3

**CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP DỰ TOÁN NĂM 2024 GIAO CHO HỘI NÔNG DÂN TỈNH THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Mã CTMT, DA	Tổng cộng	Chi QLNN	Gồm	Ghi chú
					MT TQ và đoàn thể	
A	B	C	1	2	2c	3
	<u>TỔNG CỘNG</u>		74	74	74	
	<u>NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</u>					
	<u>CTMTQG Xây dựng nông thôn mới</u>	<u>00490</u>	74	74	74	
	<i>Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM.</i>	<i>00499</i>	<i>74</i>	<i>74</i>	<i>74</i>	
	Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”.		74	74	74	



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **HỘI NHÀ BÁO TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	676	15	47	0	0	629	614	15	0
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	676	15	47	0	0	629	614	15	
I. Chi quản lý hành chính	676	15	47	0	0	629	614	15	
- Số biên chế được giao	3								
- Tổng số chi	676	15	47	0	0	629	614	15	
+ Kinh phí không tự chủ giao khoán chi hoạt động	268	15	6			262	247	15	
+ Kinh phí nhiệm vụ được giao	408		41			367	367	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.1

* Ghi chú:

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).



Phụ lục IV.1

KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO HỘI NHÀ BÁO TỈNH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	<u>TỔNG CỘNG</u>	408	408	41	367	
II	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	408	408	41	367	
1	Hội Báo xuân	120	120	12	108	
2	Hội Báo toàn quốc	40	40	4	36	
3	In tập san nghề báo 02 số (Số Xuân và số 21/6)	25	25	3	23	
4	Nhuận bút tập san nghề báo 02 số (Số Xuân và số 21/6)	20	20	2	18	
5	Hộp mặt báo chí 21/6	65	65	7	59	
6	Giải Báo chí TN	65	65	6	59	
7	Hội nghị công tác Báo chí (Tuyên giáo TW tổ chức)	11	11	1	10	
8	Liên hoan Toàn quốc Tiếng hát Người làm báo	12	12	1	11	
9	Hoạt động Hội Nhà báo theo CV178 của HNBVN	50	50	5	45	



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **HỘI LUẬT GIA TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	403	15	20	0	0	383	368	15	0
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	403	15	20	0	0	383	368	15	
I. Chi quản lý hành chính	403	15	20	0	0	383	368	15	
- Số biên chế được giao	2								
- Tổng số chi	403	15	20	0	0	383	368	15	
+ Kinh phí không tự chủ giao khoán chi hoạt động	268	15	6			262	247	15	
+ Kinh phí nhiệm vụ được giao	135		14			121	121	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.1

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).



Phụ lục IV.1

KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO HỘI LUẬT GIA TỈNH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	TỔNG CỘNG	135	135	14	121	
I	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	135	135	14	121	
1	Đại hội đại biểu Hội Luật gia tỉnh Tây Ninh lần thứ VI (nhiệm kỳ 2024 - 2029) theo Kế hoạch số 25/KH-HLG ngày 21/2/2023 của Hội Luật gia tỉnh Tây Ninh	95	95	10	85	
2	Hội nghị sơ kết 6 tháng Hội Luật gia Việt Nam	9	9	1	8	
3	Tổng kết năm Hội Luật gia Việt Nam	16	16	2	14	
4	Kinh phí Hội nghị sơ kết, tổng kết thi đua cụm miền Đông Nam bộ	15	15	1	13	



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **HỘI ĐỒNG Y TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	1.289	19	25	0	0	1.264	1.245	19	0
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.289	19	25	0	0	1.264	1.245	19	
I. Chi quản lý hành chính	1.289	19	25	0	0	1.264	1.245	19	
- Số biên chế được giao	13								
- Tổng số chi	1.289	19	25	0	0	1.264	1.245	19	
+ Kinh phí không tự chủ giao khoán chi hoạt động	1.271	19	25			1.246	1.227	19	
+ Kinh phí nhiệm vụ được giao	18		0			18	18	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.1

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).



Phụ lục IV.1

KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO HỘI ĐỒNG Y TỈNH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	TỔNG CỘNG	18	0	0	18	
I	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	18	0	0	18	
1	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	18	0	0	18	



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **HỘI NGƯỜI CAO TUỔI TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	519	33	20	0	0	499	466	33	0
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	519	33	20	0	0	499	466	33	
I. Chi quản lý hành chính	519	33	20	0	0	499	466	33	
- Số biên chế được giao	4								
- Tổng số chi	519	33	20	0	0	499	466	33	
+ Kinh phí không tự chủ giao khoán chi hoạt động	395	33	8			387	354	33	
+ Kinh phí nhiệm vụ được giao	124		12			112	112	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.1

* Ghi chú:

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).



Phụ lục IV.1

KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO HỘI NGƯỜI CAO TUỔI TỈNH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	TỔNG CỘNG	124	124	12	112	
I	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	124	124	12	112	
1	Dự tập huấn hướng dẫn mô hình Hội cho cán bộ, TW Hội NCT tổ chức	16	16	1	14	
2	Dự hội nghị toàn quốc vinh danh già làng, trưởng bản, NCT trong phong trào toàn dân bảo vệ An ninh tổ quốc giai đoạn 2021-2025 tại Hà Nội	16	16	1	14	
3	Dự hội nghị TW cuối năm ở Hà Nội	10	10	1	9	
4	Dự hội nghị thi đua giao ban cụm Miền Đông tại TP.HCM	6	6	1	6	
5	Tổ chức hội nghị chuyên đề biểu dương NCT tham gia xây dựng Đảng, chính quyền giai đoạn 2019-2024 tại Tây Ninh	26	26	3	23	
6	Tổ chức Hội nghị tập huấn hướng dẫn mô hình Hội cho cán bộ tại Tây Ninh	11	11	1	10	
7	Câu Lạc bộ Liên thể hệ tự giúp nhau	40	40	4	36	



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **HỘI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	439	33	12	0	0	427	394	33	0
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	439	33	12	0	0	427	394	33	
I. Chi quản lý hành chính	439	33	12	0	0	427	394	33	
- Số biên chế được giao	5								
- Tổng số chi	439	33	12	0	0	427	394	33	
+ Kinh phí không tự chủ giao khoán chi hoạt động	417	33	10			407	374	33	
+ Kinh phí nhiệm vụ được giao	22		2			20	20	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.1

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).



Phụ lục IV.1

**KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO HỘI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN TỈNH
NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	TỔNG CỘNG	<u>22</u>	<u>22</u>	<u>2</u>	<u>20</u>	
I	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	22	22	2	20	
1	Tuyên truyền 10.8 kỷ niệm 62 năm ngày nạn nhân chất độc da cam	15	15	1	14	
2	Chi mở lớp bồi dưỡng, công tác Hội 9 huyện/thị/TP	7	7	1	6	



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **HỘI CỤU THANH NIÊN XUNG PHONG TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	569	48	17	0	0	552	504	48	0
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	569	48	17	0	0	552	504	48	
I. Chi quản lý hành chính	569	48	17	0	0	552	504	48	
- Số biên chế được giao	5								
- Tổng số chi	569	48	17	0	0	552	504	48	
+ Kinh phí không tự chủ giao khoán chi hoạt động	503	48	10			493	445	48	
+ Kinh phí nhiệm vụ được giao	66		7			59	59	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.1

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).



Phụ lục IV.1

KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO HỘI NẠN CỨU THANH NIÊN XUNG PHONG TỈNH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (ĐT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	TỔNG CỘNG	66	66	7	59	
I	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	66	66	7	59	
1	Hợp mặt ngày truyền thông Cứu TNXP ngày 15/7	23	23	2	21	
2	Hợp BCH Trung ương Hội tại Hà Nội	14	14	2	13	
3	HN tập huấn công tác Hội	14	14	1	13	
4	Hợp mặt 45 năm ngày thành lập Tổng đội TNXP Tây Ninh (25/9)	15	15	2	13	



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **LIÊN HIỆP CÁC TỔ CHỨC HỮU NGHỊ TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	670	0	23	0	0	647	647	0	0
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	670	0	23	0	0	647	647	0	
I. Chi quản lý hành chính	670	0	23	0	0	647	647	0	
- Số biên chế được giao	4								
- Tổng số chi	670	0	23	0	0	647	647	0	
+ Kinh phí không tự chủ giao khoán chi hoạt động	590	0	15			575	575	0	
+ Kinh phí nhiệm vụ được giao	80		8			72	72	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.1

* Ghi chú:

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).



Phụ lục IV.1

KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO LIÊN HIỆP CÁC TỔ CHỨC HỮU NGHỊ NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	TỔNG CỘNG	80	80	8	72	
I	Kinh phí mua sắm, sửa chữa	0	0	0	0	
II	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	80	80	8	72	
1	Thực hiện công tác đối ngoại với các tỉnh biên giới	20	20	2	18	
2	Kinh phí đặc thù hoạt động đối ngoại nhân dân quan hệ cơ quan Lãnh sự tại TP HCM, tiếp làm việc đối tác và tổ chức PCP nước ngoài	60	60	6	54	



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	1.313	49	20			1.293	1.244	49	
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.263	49	20			1.243	1.194	49	
I. Chi quản lý hành chính	963	49	20			943	894	49	
- Số biên chế được giao	11								
- Tổng số chi	963	49	20			943	894	49	
+ Kinh phí không tự chủ giao khoán chi hoạt động	948	49	20			928	879	49	
+ Kinh phí nhiệm vụ được giao	15					15	15		Chi tiết tại Phụ lục IV.1
II. Chi các sự nghiệp	300					300	300		
1. Chi sự nghiệp môi trường	100					100	100		
Kinh phí chi theo nhiệm vụ (kinh phí không giao quyền tự chủ)	100					100	100		
2. Sự nghiệp Khoa học Công nghệ	200					200	200		

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
Kinh phí chi theo nhiệm vụ (kinh phí không giao quyền tự chủ)	200					200	200		
B. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)	50					50	50		
I. Chi chương trình mục tiêu quốc gia	50					50	50		
1. Chi quản lý hành chính	50					50	50		
<i>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.</i>	50					50	50		

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của



Phụ lục IV.1

KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	TỔNG CỘNG	15	0	0	15	
I	Kinh phí mua sắm, sửa chữa	0	0	0	0	
II	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	15	0	0	15	
1	KP hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng và ĐH Đảng	15	0	0	15	



Phụ lục IV.2

**KINH PHÍ THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
- DỰ TOÁN CHI CÁC SỰ NGHIỆP NĂM 2024 (NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP - Nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh)**

(Bàn hành kèm theo Quyết định số: 2646 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024	Trong đó		Dự toán NSNN giao năm 2024	Ghi chú
			Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL		
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>300</u>		<u>0</u>	<u>300</u>	
	I Sự nghiệp môi trường	100		0	100	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ môi trường (Chuyển giao các ứng dụng tiên bộ)	100		0	100	
	II Sự nghiệp Khoa học Công nghệ	200		0	200	
1	Kinh phí tư vấn phân biện và giám định xã hội	200		0	200	



Phụ lục IV.3

**CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP DỰ TOÁN NĂM 2024 CHO LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Mã CTMT, DA	Tổng cộng	Chi QLHC	Gồm	Ghi chú
					QLNN	
A	B	C	1	2	3	4
	TỔNG CỘNG		50	50	50	
	CTMTQG Xây dựng nông thôn mới	00490	50	50	50	
1	<i>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.</i>	<i>00502</i>	<i>50</i>	<i>50</i>	<i>50</i>	
	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới”.		50	50	50	



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	610	48	21	0	0	589	541	48	0
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	610	48	21	0	0	589	541	48	
I. Chi quản lý hành chính	610	48	21	0	0	589	541	48	
- Số biên chế được giao	5								
- Tổng số chi	610	48	21	0	0	589	541	48	
+ Kinh phí không tự chủ giao khoán chi hoạt động	503	48	10			493	445	48	
+ Kinh phí nhiệm vụ được giao	107		11			96	96	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.1

* Ghi chú:

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).



Phụ lục IV.1

KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (ĐT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>107</u>	<u>107</u>	<u>11</u>	<u>96</u>	
I	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	107	107	11	96	
1	Thực hiện chương trình mục tiêu của Trung ương Hội khuyến học Việt Nam: các chương trình tập huấn công dân số, công dân học tập và các mô hình học tập	72	72	7	65	
2	Họp ban chấp hành tại Hà Nội	20	20	2	18	
3	Họp cụm tại Tây Ninh	15	15	2	14	



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	18.679	1.986	0	0	1.986	16.693	16.693	0	0
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	18.679	1.986	0	0	1.986	16.693	16.693	0	0
I. Sự nghiệp Đào tạo và dạy nghề	18.679	1.986	0	0	1.986	16.693	16.693	0	0
- Số biên chế được giao	84								
- Tổng số chi	18.679	1.986	0	0	1.986	16.693	16.693	0	0
+ Kinh phí tự chủ	11.404	1.986	0		1.986	9.418	9.418	0	
+ Kinh phí chi theo nhiệm vụ (kinh phí không giao quyền tự chủ)	7.275	0	0	0	0	7.275	7.275	0	0
- Cấp bù học phí	7.000					7.000	7.000	0	
- Hỗ trợ kinh phí đặc thù (Học bổng + Trợ cấp xã hội)	275					275	275	0	

* Ghi chú:

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).



Phụ lục IV.2

KINH PHÍ THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ TÂY NINH
- DỰ TOÁN CHI CÁC SỰ NGHIỆP NĂM 2024 (NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP - Nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024	Trong đó		Dự toán NSNN giao năm 2024	Ghi chú
			Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL		
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>7.275</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>7.275</u>	
I	Sự nghiệp Đào tạo và dạy nghề	7.275	0	0	7.275	
1	Cấp bù học phí	7.000			7.000	
2	Hỗ trợ kinh phí đặc thù (Học bổng + Trợ cấp xã hội)	275			275	



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **HỘI CỰU CHIẾN BINH TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	3.036	239	122	0	0	2.914	2.675	239	
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.003	239	122	0	0	2.881	2.642	239	
I. Chi quản lý hành chính	3.003	239	122	0	0	2.881	2.642	239	
- Số biên chế được giao	11								
- Tổng số chi	3.003	239	122	0	0	2.881	2.642	239	
+ Kinh phí tự chủ	2.096	239	40			2.056	1.817	239	
+ Kinh phí không tự chủ	907		82			825	825	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.1
B. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)	33	0	0	0	0	33	33	0	0
II. Chi thực hiện một số nhiệm vụ	33	0	0	0	0	33	33	0	0
Sự nghiệp kinh tế	33	0	0	0	0	33	33	0	0
Tuyên truyền ATGT	33					33	33	0	

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).



Phụ lục IV.1

KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO HỘI CỰU CHIẾN BINH TỈNH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	7
	TỔNG CỘNG	907	822	82	825	
I	Kinh phí mua sắm, sửa chữa	54	0	0	54	
II	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	853	822	82	771	
1	Tham dự Hội nghị tập huấn tuyên giáo tại Quảng Nam	19	19	2	17	
2	Tham dự Hội nghị tập huấn công tác pháp luật tại Đà Nẵng	21	21	2	19	
3	Tham dự Hội nghị tập huấn công tác văn phòng tại Hà Nội	17	17	2	15	
4	Tham dự Hội nghị BCH TW Hội lần thứ 4 tại Hà Nội	9	9	1	8	
5	Tham dự Hội nghị BCH TW Hội lần thứ 5 tại Hà Nội	9	9	1	8	
6	Tham dự Đại hội thi đua yêu nước tại Hà Nội	18	18	2	16	
7	Tham dự tập huấn CCB toàn quốc công tác Đối ngoại tại Hà Nội	17	17	2	15	
8	Tham dự Hội nghị sơ kết công tác thi đua khen thưởng 6 tháng đầu năm 2024 tại tỉnh Đồng Nai	4	4	0	4	
9	Hội nghị tổng kết công tác thi đua khen thưởng (cụm 10) năm 2024	31	31	3	28	
10	Đại hội thi đua "CCB gương mẫu" giai đoạn 2019-2024	64	64	6	58	
11	Hội nghị sơ kết chương trình thỏa thuận hợp tác với Hội CCB 04 tỉnh Campuchia	109	109	11	98	
12	Kiểm tra kết quả thực hiện Đề án 08-ĐA/TU	2	2	0	2	

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	7
13	Giám sát thực hiện Nghị định 150/2006/NDD-CP, 157/2016/NĐ-CP của Chính phủ	6	6	1	5	
14	Kinh phí hoạt động Hội CCB khối cơ quan & Doanh nghiệp tỉnh năm 2024	70	70	7	63	
15	Kinh phí phục vụ lễ tang Hội viên CCB từ trần	425	425	42	383	
16	Kinh phí hoạt động cơ sở Đảng	31	0	0	31	



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **TRƯỜNG CHÍNH TRỊ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
A. THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ, LỆ PHÍ									
B. TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	20.570	1.175	176	-	-	20.394	19.219	1.175	
B.1. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	20.570	1.175	176	-	-	20.394	19.219	1.175	
I. Chi sự nghiệp	20.570	1.175	176	-	-	20.394	19.219	1.175	
1. Sự nghiệp Giáo dục, Đào tạo và Dạy nghề (Sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề)	43	-	-	-	-	-	-	-	
- Số lượng biên chế	43								
- Tổng số chi	20.570	1.175	176	-	-	20.394	19.219	1.175	
+ Kinh phí giao quyền tự chủ	8.060	1.175	50		-	8.010	6.835	1.175	
+ Kinh phí không giao quyền tự chủ	12.510		126			12.384	12.384	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.2
B.2. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)	-	-	-	-	-	-	-	-	

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ



Phụ lục IV.2

KINH PHÍ THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
- DỰ TOÁN CHI CÁC SỰ NGHIỆP NĂM 2024 (NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP - Nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024	Trong đó		Dự toán NSNN giao năm 2024	Ghi chú
			Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL		
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	TỔNG CỘNG	12.510	1.260	126	12.384	
II	Sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề (SN Đào tạo)	12.510	1.260	126	12.384	
1	Chi đào tạo các lớp theo Kế hoạch	11.800	1.000	100	11.700	
2	Kinh phí hỗ trợ cán bộ, giảng viên tập huấn chuyên môn theo Kế hoạch, chủ trương được duyệt	200	200	20	180	
3	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hội trường lớp học và văn phòng phẩm phục vụ lớp học	250		0	250	
4	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn (bảo trì máy lạnh hội trường, lớp học)	130		0	130	
5	Hoạt động của tổ chức cơ sở đảng	70		0	70	
6	Kinh phí tổ chức Hội thảo khoa học 30 năm thành lập Trường Chính trị	60	60	6	54	



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **HỘI CHỮ THẬP ĐỎ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
A. THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ, LỆ PHÍ									
B. TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	2.080	19	75	-	-	2.005	1.986	19	
B.1. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.080	19	75	-	-	2.005	1.986	19	
I. Chi quản lý hành chính	1.780	19	75	-	-	1.705	1.686	19	
- Số lượng giao định suất hợp đồng	13								
- Tổng số chi	1.780	19	75	-	-	1.705	1.686	19	
+ Kinh phí giao quyền tự chủ	1.376	19	34		-	1.342	1.323	19	
+ Kinh phí không giao quyền tự chủ	404		41			363	363	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.1
II. Chi các sự nghiệp	300	-	-	-	-	300	300	-	
1. Sự nghiệp Giáo dục, Đào tạo và Dạy nghề (Sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề)	300	-	-	-	-	300	300	-	
. Kinh phí chi theo nhiệm vụ (kinh phí không giao quyền tự chủ)	300					300	300	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.2
B.2. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)	-	-	-	-	-	-	-	-	

* Ghi chú:

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ



Phụ lục IV.1

**KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO
CHO HỘI CHỦ THẬP ĐỎ DỰ TOÁN NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>404</u>	<u>404</u>	<u>41</u>	<u>363</u>	
1	KP hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng	19	19	2	17	
2	KP hoạt động BCĐ công tác vận động hiến máu tình nguyện.	250	250	25	225	
3	KP khám chữa bệnh nhân đạo	135	135	14	121	



Phụ lục IV.2

KINH PHÍ THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO HỘI CHỮ THẬP ĐỎ
- DỰ TOÁN CHI CÁC SỰ NGHIỆP NĂM 2024 (NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP - Nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024	Trong đó		Dự toán NSNN giao năm 2024	Ghi chú
			Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL		
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	TỔNG CỘNG	300	0	0	300	
II	Sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề (SN Đào tạo)	300	0	0	300	
1	Lớp báo cáo viên, tuyên truyền viên	25		0	25	
2	Lớp chăm sóc sức khỏe ban đầu - phòng chống dịch bệnh	40		0	40	
3	Lớp phòng ngừa ứng phó thiên tai, thảm họa	25		0	25	
4	Lớp tập huấn viên, hướng dẫn viên cơ sở cấp cứu, cán bộ CTĐ	60		0	60	
5	Lớp Thanh thiếu niên chữ thập đỏ trường học	70		0	70	
6	Lớp công tác xã hội - tình nguyện viên chữ thập đỏ	40		0	40	
7	Lớp cán bộ Hội CTĐ huyện, thị xã, thành phố, xã phường, thị trấn	40		0	40	



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN SÁNG KIẾN KHU VỰC NGĂN CHẶN VÀ LOẠI TRỪ SÓT RẾT KHÁNG THUỐC ARTEMISININ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
A. THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ, LỆ PHÍ									
B. TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	300	-	-	-	-	300	300	-	
B.1. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	300	-	-	-	-	300	300	-	
I. Chi sự nghiệp	300	-	-	-	-	300	300	-	
1. Sự nghiệp Y tế	300	-	-	-	-	300	300	-	
. Kinh phí chi theo nhiệm vụ (kinh phí không giao quyền tự chủ)	300	-	-		-	300	300	-	
B.2. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)	-	-	-	-	-	-	-	-	

* Ghi chú:

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
A. THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ, LỆ PHÍ									
B. TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	2.079	33	59	-	33	1.987	1.987	-	
B.1. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.974	33	59	-	33	1.882	1.882	-	
<u>I. Chi quản lý hành chính</u>	<u>1.974</u>	<u>33</u>	<u>59</u>	<u>-</u>	<u>33</u>	<u>1.882</u>	<u>1.882</u>	<u>-</u>	
- Kinh phí không tự chủ	1.974	33	59	-	33	1.882	1.882	-	
+ Kinh phí hỗ trợ bằng hình thức khoán	1.041	33	6		33	1.002	1.002	0	
+ Kinh phí nhiệm vụ được giao	933		53			880	880	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.1
B.2. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)	105	-	-	-	-	105	105	-	
I. Chi các CTMTQG - CTMTQG Xây dựng nông thôn mới	105	-	-	-	-	105	105	-	
1. Quản lý hành chính	105	-	-	-	-	105	105	-	

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
<i>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.</i>	105	-	-	-	-	105	105	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.3
Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới”.	105					105	105	0	

* **Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).

Phụ lục IV.1

**KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO
CHO HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DỰ TOÁN NĂM 2024**



(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>933</u>	<u>537</u>	<u>53</u>	<u>880</u>	
I	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	933	537	53	880	
1	KP hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng	22		0	22	
2	KP xuất bản Tạp chí Văn nghệ Tây Ninh	270	270	27	243	
3	Tổ chức ngày thơ Việt Nam và đêm thơ Nguyên tiêu	71	71	7	64	
4	Cuộc thi sáng tác VHNT Tây Ninh 50 năm sức sống vươn lên	174	174	17	157	
5	Đăng cai tổ chức liên hoan ảnh nghệ thuật ĐNB	374	0	0	374	
6	Tham gia cuộc thi thơ ĐNB tại Bình Thuận	22	22	2	20	



Phụ lục IV.3

CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP DỰ TOÁN NĂM 2024 CHO
HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Mã CTMT, DA	Tổng cộng	Chi QLHC	Gồm	SN Văn hóa, thông tin	Ghi chú
					QLNN		
A	B	C	1	2	2a	3	4
	TỔNG CỘNG		105	105	105	0	
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI ỨNG		0	0	0	0	
II	NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG		105	105	105	0	
1	CTMTQG Xây dựng nông thôn mới	00490	105	105	105	0	
	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.	00502	105	105	105	0	
	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới”.		105	105	105		